

Số: /KH-UBND

Kiến Hưng, ngày tháng năm 2025

KẾ HOẠCH

Ứng dụng công nghệ thông tin và Chuyển đổi số trong cơ quan nhà nước xã Kiến Hưng 6 tháng cuối năm 2025

Thực hiện Kế hoạch số 215/KH-UBND ngày 25/8/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc Ứng dụng công nghệ thông tin và Chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước thành phố Hải Phòng 6 tháng cuối năm 2025. Ủy ban nhân dân xã Kiến Hưng ban hành Kế hoạch Ứng dụng công nghệ thông tin và Chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước xã Kiến Hưng 6 tháng cuối năm 2025 như sau:

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia xác định tầm nhìn đến năm 2045;
- Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 26/10/2021 của Ban Thường vụ Thành ủy về Chuyển đổi số thành phố Hải Phòng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;
- Quyết định số 284/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 26/10/2021 của Ban Thường vụ Thành ủy về chuyển đổi số thành phố Hải Phòng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;
- Kế hoạch số 31/KH-UBND ngày 18/02/2025 của UBND thành phố Hải Phòng về chuyển đổi số thành phố Hải Phòng năm 2025;
- Kế hoạch số 22/KH-UBND ngày 24/02/2025 của UBND xã Tân Trào (cũ) và Kế hoạch số 30/KH-UBND ngày 24/02/2025 của UBND xã Kiến Hưng (cũ).

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và phát huy chuyển đổi số để nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước. Tập trung nguồn lực để hoàn thành các chỉ tiêu quan trọng trong các nghị quyết về chuyển đổi số, tạo nền tảng vững chắc để tăng tốc trong giai đoạn mới. Nâng cao năng lực chỉ đạo, điều hành, đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, đáp ứng tốt nhất nhu cầu phục vụ người dân và doanh nghiệp, phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh của xã.

2. Mục tiêu cụ thể đến hết năm 2025

- 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được cung cấp dưới dạng dịch vụ công trực tuyến toàn trình.
- Tối thiểu 80% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý trực tuyến toàn trình.
- Tỷ lệ hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng đạt: 75% (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).
- 100% báo cáo định kỳ về chỉ tiêu kinh tế - xã hội được thực hiện trên hệ thống thông tin báo cáo của thành phố, kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.
- 100% kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa theo quy định.
- Tỷ lệ mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp trong giải quyết thủ tục hành chính đạt trên 90%.
- Tối thiểu 50% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng số.

III. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Hạ tầng số

- Kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng đảm bảo ổn định, thông suốt từ thành phố, xã để phục vụ chính phủ số.
- Phát triển hạ tầng số, hạ tầng băng rộng (di động, cố định) hướng tới phổ cập băng thông rộng, tốc độ cao; 100% số hộ gia đình có khả năng tiếp cận dịch vụ Internet cáp quang băng rộng.
- Triển khai hướng dẫn và cấp chữ ký số cho người dân để cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, đảm bảo giá trị pháp lý của các tài liệu, giấy tờ đã được số hóa (như sổ sức khỏe điện tử, học bạ số,...).

2. Phát triển Chính quyền số

Ứng dụng trong nội bộ:

- Duy trì và phát triển Hệ thống quản lý văn bản và điều hành, đảm bảo trên 75% văn bản được ký số và xử lý trên môi trường mạng (trừ văn bản mật). Duy trì hoạt động trang thông tin điện tử của xã. Duy trì, vận hành hệ thống thư điện tử xã, triển khai chữ ký số trên nền tảng di động.
- Triển khai Trợ lý ảo (AI) trong cơ quan nhà nước để hỗ trợ cán bộ, công chức nâng cao hiệu quả và năng suất lao động.
- Triển khai ứng dụng trí tuệ nhân tạo hỗ trợ kiểm tra văn bản tự động nhằm hỗ trợ cán bộ thực hiện quy trình kiểm tra và rà soát chất lượng văn bản trước khi gửi đi một cách nhanh chóng, chính xác và hiệu quả.

Phục vụ người dân và doanh nghiệp:

- Đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, tích hợp thanh toán trực tuyến và số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính để hình thành

Kho dữ liệu của công dân, tổ chức.

- Triển khai thực hiện ứng dụng công dân số (Smart Hai Phong) với nhiều tiện ích thiết thực, đồng thời tích hợp kênh tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân.

3. Phát triển dữ liệu số

- Khai thác, sử dụng hiệu quả dữ liệu, phục vụ công tác quản lý điều hành, phát triển Kinh tế - Xã hội, cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

- Thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và tái sử dụng dữ liệu số hóa trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

- Khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thành phố Hải Phòng.

- Triển khai, vận hành Kho dữ liệu dùng chung thành phố.

4. Đảm bảo an toàn, an ninh thông tin mạng

- Xây dựng và triển khai phương án sao lưu dữ liệu theo nguyên tắc 3-2-1, đảm bảo có bản sao lưu ngoại tuyến (offline) để sẵn sàng phục hồi hệ thống nhanh chóng sau sự cố.

- Tổ chức đánh giá, phân loại, phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin theo quy định tại Nghị định 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ, Chỉ thị 09/CT-TTg ngày 23/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ về tuân thủ quy định pháp luật và tăng cường bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ; triển khai các phương án bảo vệ hệ thống theo đúng cấp độ đã được phê duyệt.

5. Đào tạo, tuyên truyền và phát triển nguồn nhân lực

- Tiếp tục duy trì, tăng cường triển khai công tác bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số nói chung, Chính phủ số, kinh tế số, an toàn thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

- Tiếp tục triển khai các hoạt động bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số cho người dân, cộng đồng, doanh nghiệp để khai thác sử dụng các nền tảng số, dịch vụ số do chính quyền, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp. Kiện toàn, nâng cao năng lực tổ công nghệ số cộng đồng.

IV. GIẢI PHÁP TRIỂN KHAI

1. Giải pháp về môi trường, chính sách

- Tạo điều kiện thuận lợi về môi trường làm việc, có chính sách đãi ngộ trong tuyển dụng, nâng lương...

- Xây dựng và ban hành các quy chế quy định về quản lý, vận hành các hệ thống công nghệ thông tin.

- Xây dựng cơ chế, chính sách thu hút và phát triển nguồn nhân lực làm công tác công nghệ thông tin và chuyển đổi số.

2. Giải pháp về tài chính

- Ưu tiên bố trí nguồn lực từ ngân sách nhà nước cho các nhiệm vụ, dự án chuyển đổi số trọng điểm, mang tính nền tảng.

- Thu hút mọi nguồn lực cho ứng dụng công nghệ thông tin; kết hợp đầu tư mới với việc chuyển giao công nghệ; đầu tư có trọng tâm, trọng điểm các hệ thống công nghệ thông tin làm nền tảng.

3. Giải pháp về triển khai và tổ chức

- Tăng cường hoạt động của Ban Chỉ đạo của xã về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, coi kết quả chuyển đổi số là tiêu chí quan trọng để đánh giá, xếp loại thi đua hàng năm. Gắn kết chặt chẽ nhiệm vụ chuyển đổi số với cải cách hành chính. Xây dựng tiêu chí thi đua về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong bộ tiêu chí bình xét danh hiệu thi đua hàng năm của tập thể, cá nhân.

- Kiện toàn bộ máy chuyên trách về CNTT và CDS của địa phương, đảm bảo đủ năng lực để triển khai và vận hành các hệ thống. Tăng cường vị trí việc làm tại xã để đảm bảo nguồn lực triển khai thực hiện các nhiệm vụ về ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số; tăng cường số lượng cán bộ công nghệ thông tin để vận hành thông suốt các ứng dụng và đảm bảo an toàn thông tin; tăng cường vai trò và nâng cao hiệu quả hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và đánh giá định kỳ chỉ số chuyển đổi số của các cơ quan, đơn vị để kịp thời đôn đốc, tháo gỡ khó khăn.

4. Giải pháp về công nghệ

- Nâng cấp hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin cho các phòng, ban, cơ quan, đơn vị, đảm bảo trang thiết bị hiện đại, đồng bộ, thống nhất trong toàn xã.

- Triển khai hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan nhà nước phù hợp với tình hình thực tiễn.

- Tăng cường trao đổi, học tập kinh nghiệm từ các địa phương khác để tiếp cận các giải pháp, công nghệ tiên tiến.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch bao gồm: Ngân sách nhà nước (nguồn vốn đầu tư phát triển, nguồn kinh phí sự nghiệp) và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác từ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Văn hóa – Xã hội:

- Là cơ quan đầu mối, chủ trì, phối hợp với các phòng, cơ quan, đơn vị

liên quan tham mưu cho UBND xã chỉ đạo, tổ chức thực hiện Kế hoạch. Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, tổng hợp kết quả và định kỳ báo cáo UBND xã.

- Gắn kết việc triển khai Kế hoạch này với chương trình cải cách hành chính; cử cán bộ, công chức tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng nhân lực số; đề xuất đưa kết quả chuyển đổi số vào tiêu chí thi đua, khen thưởng hàng năm.

2. Phòng Kinh tế: Phối hợp với phòng Văn hóa – Xã hội tham mưu UBND xã bố trí đủ kinh phí (Ngân sách nhà nước) để triển khai các nhiệm vụ của Kế hoạch theo quy định.

3. Đề nghị Công an xã: Chủ trì, phối hợp với phòng Văn hóa – Xã hội và các đơn vị liên quan triển khai các giải pháp bảo đảm an ninh mạng, an toàn thông tin. Phối hợp chặt chẽ trong việc kết nối, xác thực và bảo đảm an toàn, an ninh cho việc khai thác dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

4. Các phòng, cơ quan, đơn vị liên quan:

- Căn cứ Kế hoạch này chủ động bố trí nguồn lực, triển khai hiệu quả các nhiệm vụ được giao, đảm bảo đạt được các mục tiêu đã đề ra.

- Phát huy vai trò của các Tổ công nghệ số cộng đồng để phổ cập kỹ năng số, hỗ trợ người dân sử dụng các dịch vụ số.

- Thực hiện chế độ báo cáo chuyên đề định kỳ về kết quả thực hiện Kế hoạch, gửi phòng Văn hóa – Xã hội để tổng hợp, theo dõi.

Kế hoạch này thay thế cho Kế hoạch số 22/KH-UBND ngày 24/02/2025 của UBND xã Tân Trào (cũ) và Kế hoạch số 30/KH-UBND ngày 24/02/2025 của UBND xã Kiến Hưng (cũ).

Ủy ban nhân dân xã yêu cầu các phòng, ban, cơ quan và các đơn vị liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, kịp thời phản ánh bằng văn bản về phòng Văn hóa – Xã hội tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân xã xem xét, chỉ đạo giải quyết./.

Nơi nhận:

- Sở Khoa học và Công nghệ;
- TT ĐU, TT HĐND xã;
- CT, các PCT UBND xã;
- Các phòng, ban, cơ quan, đơn vị;
- Lưu: VT, VHXH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trịnh Thị Thu Huyền